

Phụ lục số 28

Nội dung Báo cáo hoạt động quản lý quỹ mở của Công ty quản lý quỹ
(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

(Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)

1. Thông tin về quỹ

a) Tên của quỹ:

- Tên quỹ: **Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb (CBPF)**

- Loại hình quỹ: **Quỹ mở**

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà Đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định, an toàn và một phần vào các cổ phiếu cơ bản có hoạt động kinh doanh tốt và được tự do chuyển nhượng với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các Nhà Đầu tư kết quả tốt nhất từ việc quản lý danh mục đầu tư phù hợp với các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và Pháp luật.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có) : Quỹ không giới hạn về thời gian hoạt động

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) : Không áp dụng

e) Chính sách phân chia lợi nhuận: Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành: 10.065.854,92 đơn vị quỹ

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: Không

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: Trong kỳ Quỹ chưa tổ chức Đại hội Nhà đầu tư.

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở: Ngân hàng Giám sát không đưa ra nhận xét về các nội dung này. Tuy nhiên trong quá trình hoạt động Quỹ luôn tuân thủ theo các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư 183/2011/TT-BTC về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở liên quan đến Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin.

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ, cụ thể:

- Danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm 31/12/2019:

Tài sản đầu tư	Giá trị đến ngày 31/12/2019
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền	2.365.222.439
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	79.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	20.000.000.000
Tài sản khác	2.319.128.767
Tổng cộng	103.684.351.206

- Giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12/2019:

Chỉ tiêu	31/12/2019
Giá trị tài sản ròng của quỹ ngày 31/12/2019	103.421.498.423
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ, số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2019	10.274,49
- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày 31/12/2019	10.065.854,92
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất/thấp nhất trong kỳ	
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất	10.274,49
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất	10.056,25

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập):

Chỉ tiêu	Từ 01/07/2019 đến 31/12/2019
Tổng thu nhập của Quỹ	3.292.053.424
- Lãi suất tiền gửi được nhận trong kỳ	2.265.491.780
- Lãi suất chứng chỉ tiền gửi trong kỳ	1.026.561.644
Tổng chi phí của Quỹ	1.083.594.319
Tổng lợi nhuận của Quỹ tại tính đến ngày 31/12/2019	2.208.459.105

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận:

Trong kỳ báo cáo Quỹ chưa tiến hành phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

Chỉ tiêu	Quý 4/2019
Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,91%
Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,34%
Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan trên Giá trị tài sản ròng của quỹ trung bình trong kỳ (%)	0,47%
Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,17%
Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,17%
Tỷ lệ chi phí hoạt động trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	2,10%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục:

Tốc độ vòng quay danh mục	Quý 4/2019
Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ cuối Quý IV/2019	19,44%

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

(i) trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm) là 4.17%, trong đó:

Tổng lợi nhuận	Lợi nhuận đã thực hiện (VNĐ)	Lợi nhuận chưa thực hiện (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
Trong thời hạn từ ngày thành lập Quỹ 03/04/2019 đến ngày 31/12/2019	2.555.900.941	0	2.555.900.941

(ii) trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ

- (iii) tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm): Không có
trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ
tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm): Không có

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

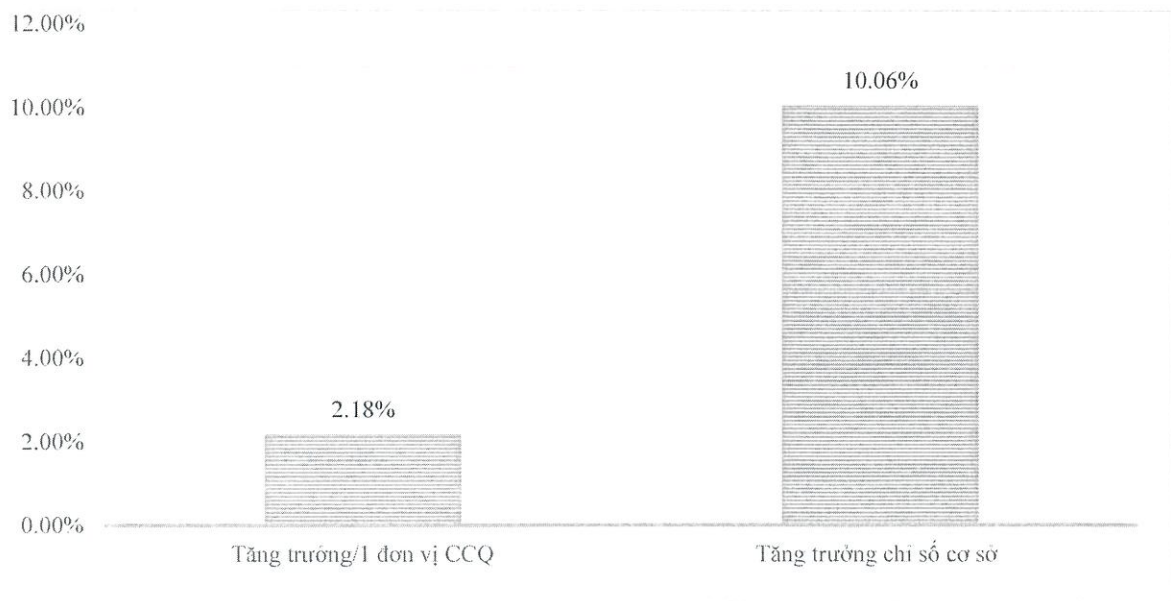
- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: Phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá lập bởi Công ty Quản lý Quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra rà soát bởi ngân hàng giám sát Standard Chartered bank (Vietnam) Limited.
- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Giá chứng khoán được HNX cung cấp.

d) Thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ trong quá khứ chỉ mang tính chất tham khảo và không có hàm ý hay cam kết việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà Đầu Tư trong tương lai.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

- a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): Không có
- b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: Do mới thành lập từ tháng 4/2019 nên Quỹ vẫn đang trong quá trình tìm kiếm cơ hội đầu tư nhằm đạt được Mục tiêu đầu tư đề ra trong Bản cáo bạch Quỹ (Mục tiêu của Quỹ là tăng trưởng vốn trung và dài hạn)
- c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị):
- Do Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu nên không trình bày phần này
 - Chỉ số tham chiếu của Quỹ là Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX. Kết quả so sánh chi tiết như sau:



d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo

(bảng đồ thị):

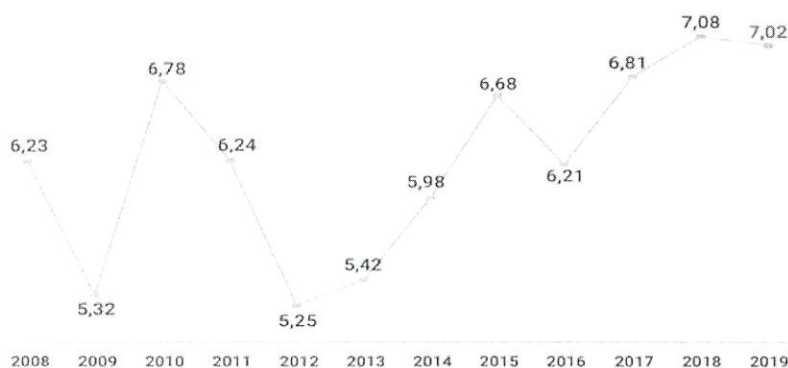
- Do Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu nên không trình bày phần này
 - Chỉ số tham chiếu của Quỹ là Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX, tuy nhiên do Quỹ mới thành lập từ ngày 03/04/2019 nên chưa đủ số liệu để so sánh cho phần này.
- e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:
- Trong 6 tháng cuối năm 2019, Quỹ CBPF vẫn giữ nguyên chiến lược đầu tư đã công bố trong Bản cáo bạch Quỹ và dự kiến sẽ nâng cao tỷ trọng đầu tư vào các Trái phiếu doanh nghiệp có lợi suất cao và các chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tài chính có lãi suất cao.
- f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Cơ cấu danh mục đầu tư	CBPF	
	31/12/2019	31/12/2018
Tiền mặt	2.365.222.439	N/A
Chứng chỉ tiền gửi	20.000.000.000	N/A
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	79.000.000.000	N/A
Tài sản khác	2.319.128.767	N/A
Tổng cộng	103.684.351.206	N/A

N/A: Do Quỹ chỉ bắt đầu hoạt động sau ngày giấy phép thành lập quỹ 03/04/2019 nên không có số liệu của năm liền kề để so sánh

- g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:
- Trong kỳ báo cáo Quỹ chưa phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư
- NAV/đơn vị quỹ tại thời điểm đầu kỳ 01/07/2019 là 10,054.97 VNĐ
 - NAV/đơn vị quỹ tại thời điểm cuối kỳ 31/12/2019 là 10,274.49 VNĐ tăng 2,18%
- h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (smallcap)...
- (i). Kinh tế vĩ mô:**

Năm 2019, GDP Việt Nam tăng 7,02%. vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6%-6,8%, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành. Đây cũng là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt kết quả ấn tượng trên



7%.

Tăng trưởng GDP qua các năm

Năm 2019, đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GDP đạt 46,11%, bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 44,46%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 33,58% của giai đoạn 2011-2015. Điều này cho thấy chất lượng tăng trưởng kinh tế đã được cải thiện rõ rệt trong năm qua.

Hoạt động kinh tế trong nước đạt được nhiều kết quả ấn tượng

Tính chung năm 2019, cả nước có 138,1 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.730,2 nghìn tỷ đồng, tăng 5,2% về số doanh nghiệp, tăng 17,1% về vốn đăng ký so với năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2019 đạt 12,5 tỷ đồng, tăng 11,2% so với năm trước. Trong đó, có 7 doanh nghiệp Việt Nam nằm trong danh sách 200 công ty có doanh thu trên 1 tỷ USD tốt nhất tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương do Forbes Asia 2019 công bố.

Trong lĩnh vực đầu tư xã hội, theo báo cáo xếp hạng đầu tư của Mỹ, Việt Nam đứng thứ 8 trong số 20 quốc gia dẫn đầu có nền kinh tế tốt nhất để đầu tư, tăng 15 bậc từ vị trí thứ 23 năm 2018. Tính đến hết tháng 11, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 31,8 tỷ USD, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2018. Vốn thực hiện của dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 17,62 tỷ USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2018.

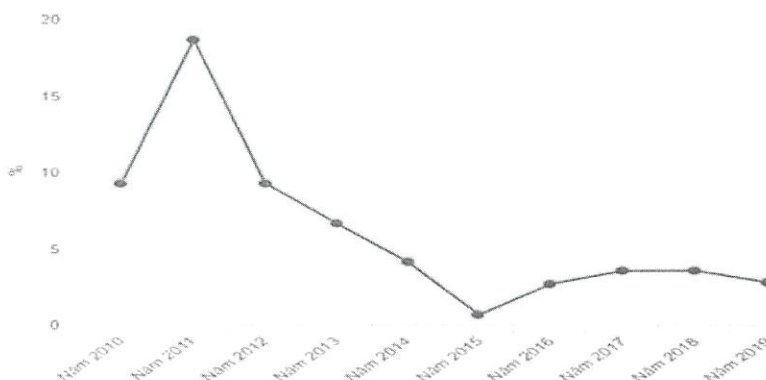
Thu ngân sách nhà nước ước đạt trên 1,6 triệu tỷ đồng. Qua 11 tháng của năm 2019, bội thu ngân sách Nhà nước ước đạt 114,5 nghìn tỷ đồng. Đây đang là giai đoạn thu ngân sách tốt nhất kể từ năm 2013, đồng thời, chủ trương chung về siết chặt, giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển và quản chặt bội chi ngân sách Nhà nước đã được thực hiện chặt chẽ, mang lại hiệu quả tích cực: Nợ công của Việt Nam trong năm 2019 giảm mạnh, xuống mức dưới 55% GDP. Dự trữ ngoại hối của Việt Nam cũng đạt mốc kỷ lục: 80 tỷ USD trong năm 2019.

Năng lực Cạnh tranh toàn cầu (GCI), trong đó, Việt Nam đứng thứ 67 trên 141 nền kinh tế năm nay với 61,5 điểm trên thang điểm 100. Năm 2018, Việt Nam chỉ xếp thứ 77 trên 140 nền kinh tế với 58,1 điểm. Mức tăng 10 bậc, 3,5 điểm của Việt Nam là nhiều nhất

và duy nhất trên thế giới.

Lạm phát vẫn kiểm soát

Trong bối cảnh nền kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ, lạm phát năm 2019 chỉ đạt 2,73%. Như vậy lạm phát năm 2019 thấp nhất trong 3 năm gần đây khi năm 2018 là 3,54% và năm 2017 là 3,53%. Lạm phát duy trì ở mức thấp tiếp tục tạo cơ hội cho Ngân hàng Nhà nước thực hiện các chính sách nới lỏng tiền tệ linh hoạt và hiệu quả hơn.



Lạm phát Việt Nam, giai đoạn 2010-2019

Tuy vậy, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2019 tăng 1,4% so với tháng trước, mức tăng cao nhất trong 9 năm qua. Trong đó, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng cao nhất 3,42% do dịch tả lợn châu Phi làm nguồn cung thịt lợn giảm, giá các sản phẩm chế biến từ thịt lợn, thay thế thịt lợn tăng. Nếu không có chính sách điều tiết lương thực hợp lý sẽ tạo áp lực lớn cho lạm phát năm 2020.

Cán cân thanh toán thặng dư, tăng trưởng xuất khẩu tăng đột biến so với nhập khẩu nhờ hưởng lợi từ chiến tranh thương mại

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2019 ước tính đạt 516,96 tỷ USD. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2019 ước tính xuất siêu 9,9 tỷ USD.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 12/2019 ước tính đạt 21,8 tỷ USD, giảm 4,4% so với tháng trước. Tính chung cả năm 2019, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 263,45 tỷ USD, tăng 8,1% so với năm 2018.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 12/2019 ước tính đạt 22,8 tỷ USD, tăng 6,8% so với tháng trước. Tính chung năm 2019, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 253,51 tỷ USD, tăng 7% so với năm 2018.

Những con số ấn tượng này giúp Việt Nam lọt Top 30 quốc gia có tăng trưởng xuất nhập khẩu tốt trên thế giới.

(ii) Thị trường chứng khoán:

Thị trường Chứng khoán Việt Nam hồi phục lên mức 997,8 điểm nhờ thông tin GDP quý 4 tăng trưởng tích cực (tăng 7,31%). Nhóm cổ phiếu ngân hàng cùng một số cổ phiếu blue-chip là động lực tăng trưởng của VN Index. Ngày 27/9, tổ chức xếp hạng thị trường FTSE Russell tiếp tục giữ Việt Nam ở danh sách theo dõi nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp và sẽ đánh giá lại vào kỳ đánh giá thường niên tháng 9/2020.

Thị trường Trái phiếu Chính phủ Việt Nam trong quý 4 giao dịch sideways so với cuối quý 3/2019 về lợi suất do thanh khoản dư thừa trong hệ thống ngân hàng. Điều này góp

phần làm việc hấp thụ đầu giá trái phiếu chính phủ thuận lợi. Lợi suất Trái phiếu Chính phủ trên thị trường thứ cấp diễn biến cùng chiều với thị trường sơ cấp, với sự sụt giảm khoảng 40 – 80 bps so với thời điểm cuối quý 2/2019 trong đó giảm mạnh nhất là kỳ hạn 5 năm và 15 năm. Tính từ đầu năm, lợi suất TPCP đã giảm 100-160 bps.

Lũy kế từ đầu năm 2019, khối ngoại mua ròng 1,88 tỷ USD trên thị trường chứng khoán (1,23 tỷ USD cổ phiếu và 650,4 triệu USD trái phiếu).

- i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách):
 - Quỹ không thực hiện việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ.
- k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có
- l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Tại ngày 31/12/2019 tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của người có liên quan là 98.96%
- m) Các thông tin khác (nếu có): Không có

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát:

Nội dung như trình bày trong báo cáo giám sát của Ngân hàng Standard Chartered bank Vietnam Limited.

Thời gian giám sát hoạt động Quỹ: Từ 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019

Trong báo cáo này, Ngân hàng giám sát đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb (CBPF) gồm các nội dung sau:

- Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch:

Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2019 đến ngày 30 tháng 09 năm 2019, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

Theo Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 (“Thông tư 15”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 (“Thông tư 183”) và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định: “Quỹ trái phiếu là quỹ mở đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư để đáp ứng quy định pháp luật hiện hành.

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định ở trên tại kỳ định giá ngày 03 tháng 07 năm 2019. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật trong thời gian sớm nhất.

Tại kỳ định giá ngày 10 tháng 07 năm 2019, Công ty Quản lý Quỹ đã điều chỉnh lại danh mục đầu tư để đáp ứng quy định tại Thông tư 15 và Điều lệ Quỹ.

Từ kỳ định giá ngày 10 tháng 07 năm 2019 đến tại ngày 30 tháng 09 năm 2019, danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ Khoản 1, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 11, Điều Lệ Quỹ.

Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ từ ngày 01 tháng

10 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan

- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2019 là ngày thành lập Quỹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Các dịch vụ Lưu ký tài sản của Quỹ, dịch vụ Giám sát, dịch vụ Quản trị Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Ban Vietnam Limited. Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD). Chi tiết chi phí như sau:

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Chi phí hoạt động Quỹ mở	Kỳ báo cáo 01/07/2019 đến 31/12/2019	Tỷ lệ so với lợi nhuận	Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động
1. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	69.600.000	3,15%	6,42%
2. Phí dịch vụ giám sát	105.600.000	4,78%	9,75%
3. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	174.900.000	7,92%	16,14%
4. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	66.000.000	2,99%	6,09%

- b) Các hoạt động ủy quyền này không ảnh hưởng tới lợi nhuận và mức độ rủi ro của quỹ
- c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

Tổng chi phí trả cho Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam (VSD) cho dịch vụ ủy quyền là: 416.100.000 VNĐ

Bên nhận ủy quyền	Số tiền
Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	350.100.000
Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam (VSD)	66.000.000
Tổng cộng (VNĐ)	416.100.000

- d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư:

Theo ghi nhận của Công ty Quản lý quỹ, bên nhận Ủy quyền đáp ứng được yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa...bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư.

TP.HCM, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Phó Phó Chủ tịch Công ty quản lý quỹ *Phó*



Bùi Thanh Hiệp